BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 979 /BKHCN-TCCB	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v xin ý kiến góp ý về dự thảo Thông tư quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành KH&CN	*Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2014*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
Số: 1034
ĐẾN Ngày: 26.3.14
Chuyển: PVP Nam

Kính gửi: UBND tỉnh Tây Ninh

Triển khai thực hiện Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010, Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và các văn bản hướng dẫn Luật, Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng dự thảo Thông tư quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ.

Bộ Khoa học và Công nghệ trân trọng đề nghị Quý Cơ quan nghiên cứu, góp ý đối với dự thảo Thông tư, trong đó tập trung vào nội dung quy định tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (tiêu chí về chủ trì/tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ, thời gian giữ chức danh nghề nghiệp…) đối với từng chức danh cụ thể.

Văn bản góp ý của Quý Cơ quan xin gửi về Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 10/4/2014.

Bộ Khoa học và Công nghệ mong nhận được sự hợp tác của Quý Cơ quan.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Trần Quốc Khánh;
- Lưu VT, Vụ TCCB.

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Trần Quốc Khánh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2014/TT- BKHCN	
DỰ THẢO	*Hà Nội, ngày tháng năm 2014*

THÔNG TƯ

Quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số...../2014/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

***Căn cứ Thông** tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ Quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;*

Căn cứ Văn bản số..... của Bộ Nội vụ ngày tháng năm 2014;

Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

2. Các tổ chức ngoài công lập được vận dụng các quy định tại văn bản này để quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

Điều 2. Chức danh và hạng các chức danh nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ

1. Chức danh nghiên cứu khoa học gồm: nghiên cứu viên cao cấp, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên, trợ lý nghiên cứu, được phân thành 4 hạng như sau:

a) Chức danh nghiên cứu khoa học hạng I (Nghiên cứu viên cao cấp)

b) Chức danh nghiên cứu khoa học hạng II (Nghiên cứu viên chính)

c) Chức danh nghiên cứu khoa học hạng III (Nghiên cứu viên)

d) Chức danh nghiên cứu khoa học hạng IV (Trợ lý nghiên cứu)

2. Chức danh công nghệ gồm: kỹ sư cao cấp, kỹ sư chính, kỹ sư, kỹ thuật viên, được phân thành 4 hạng như sau:

a) Chức danh công nghệ hạng I (Kỹ sư cao cấp và tương đương)

b) Chức danh công nghệ hạng II (Kỹ sư chính và tương đương)

c) Chức danh công nghệ hạng III (Kỹ sư và tương đương)

d) Chức danh công nghệ hạng IV (Kỹ thuật viên và tương đương)

3. Chức danh công nghệ tương đương do các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quy định.

Điều 3. Đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ

a) Có tinh thần trách nhiệm cao, luôn tuân thủ pháp luật; luôn thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của người viên chức trong hoạt động nghề nghiệp;

b) Trung thực, khách quan, thẳng thắn, trách nhiệm, tận tụy, sáng tạo, đóng góp trí tuệ, tài năng vào sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; có phương pháp làm việc khoa học; giữ bí mật quốc gia về khoa học và công nghệ.

Chương II

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 4. Chức danh nghiên cứu khoa học hạng I

1. Chức trách

Chức danh nghiên cứu khoa học hạng I là viên chức chuyên môn làm công tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tổ chức và chỉ đạo thực

hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh nhằm giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn có độ phức tạp cao của quốc gia, bộ, ngành và địa phương.

2. Nhiệm vụ

a) Trực tiếp nghiên cứu, đề xuất và chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh nhằm giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế xã hội và các vấn đề quan trọng khác của bộ, ngành và địa phương;

b) Nghiên cứu, đề xuất hoặc tham gia xây dựng các chủ trương, chính sách, định hướng, kế hoạch phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ của quốc gia, bộ ngành và địa phương. Đề xuất giải pháp và tổ chức hướng dẫn, theo dõi, đánh giá việc áp dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn;

c) Tổ chức chỉ đạo chuyên môn, hướng dẫn các chức danh nghiên cứu khoa học hạng II, III tham gia thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

d) Tham gia đánh giá các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh. Tham gia giảng dạy và hướng dẫn khoa học cho các nghiên cứu sinh, học viên cao học ở các cơ sở đào tạo;

đ) Chủ trì hoặc tham gia: tổ chức các hội nghị, hội thảo, sinh hoạt học thuật trong nước và quốc tế, xây dựng báo cáo kết quả nghiên cứu, biên soạn các tài liệu nhằm phổ biến, ứng dụng rộng rãi các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

3. Trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có trình độ tiến sĩ trở lên, phù hợp với chuyên ngành nghiên cứu;

b) Có trình độ ngoại ngữ tương đương trình độ cao cấp bậc 5 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học ứng dụng tương đương trình độ B trở lên;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý khoa học và công nghệ đối với chức danh nghiên cứu khoa học hạng I.

4. Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của quốc gia, ngành, địa phương. Nắm được các thành tựu tiến bộ khoa học và công nghệ và xu hướng phát triển khoa học và công nghệ trong nước và trên thế giới liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu;

b) Có khả năng nghiên cứu sâu về chuyên ngành và nghiên cứu liên ngành trong lĩnh vực chuyên môn; đề xuất, tư vấn và giải quyết các vấn đề mang tính chiến lược của trung ương và địa phương; khả năng tổng kết thực tiễn, xây dựng

và trình bày các báo cáo nghiên cứu khoa học có tính chiến lược trong các hội nghị, hội thảo khoa học quan trọng; khả năng tập hợp và tổ chức các cá nhân có năng lực để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm, phức tạp, khả năng gắn kết giữa nghiên cứu khoa học với đào tạo và sản xuất;

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học, khả năng tư duy độc lập, sáng tạo, kết hợp nghiên cứu lý luận với thực tiễn, kinh nghiệm hợp tác với các nhà khoa học, các tổ chức khoa học và công nghệ quốc tế trong lĩnh vực chuyên môn; có kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành phù hợp với nhiệm vụ được giao và hiểu biết rộng về các chuyên ngành có liên quan

d) Trong thời gian xét (thi) thăng hạng từ chức danh hạng II lên hạng I đạt một trong những yêu cầu sau:

- Đã chủ trì ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia (hoặc chủ trì ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ và tương đương trở lên) và tham gia ít nhất 03 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ và tương đương trở lên được nghiệm thu;

- Là (đồng) tác giả chính hoặc (đồng) chủ biên của ít nhất 01 sách chuyên khảo, và là tác giả của ít nhất 01 bài báo khoa học công bố trên tạp chí quốc tế có mã số chuẩn quốc tế ISSN (hoặc ít nhất 06 bài báo khoa học công bố trên tạp chí chuyên ngành trong nước nằm trong Danh mục tạp chí chuyên ngành được tính điểm công trình khoa học quy đổi của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước);

đ) Viên chức được xét (thi) thăng hạng lên chức danh khoa học hạng I phải có thời gian giữ chức danh khoa học hạng II hoặc tương đương tối thiểu là 6 năm, trừ trường hợp đặc biệt được quy định tại văn bản khác có hiệu lực pháp lý cao hơn.

Điều 5. Chức danh nghiên cứu khoa học hạng II

1. Chức trách

Chức danh nghiên cứu khoa học hạng II là viên chức chuyên môn làm công tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, có khả năng tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp tỉnh hoặc tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia nhằm giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn của quốc gia, bộ, ngành và địa phương.

2. Nhiệm vụ:

a) Chủ trì xây dựng kế hoạch nghiên cứu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm việc xác định mục tiêu, nội dung, phương hướng, phương pháp nghiên cứu, tiến độ thực hiện và các điều kiện về nhân lực, vật tư, tài chính...;

b) Chủ trì tổ chức các nhóm nghiên cứu trong đó chú trọng tổ chức các nhóm nghiên cứu bao gồm: các chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công

nghệ hạng III, IV thực hiện nội dung nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

c) Chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề chủ yếu trong nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được phân công; viết các báo cáo kết quả nghiên cứu, xây dựng quy trình ứng dụng, biên soạn các tài liệu nhằm phổ biến và áp dụng rộng rãi, hiệu quả các kết quả nghiên cứu phục vụ sản xuất và đời sống; tổ chức hướng dẫn, theo dõi, đánh giá việc áp dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn;

d) Tham gia xây dựng các chủ trương, kế hoạch và biện pháp triển khai hoạt động khoa học và công nghệ của bộ, ngành, địa phương và của đơn vị; tham gia tổ chức các hội nghị khoa học và các sinh hoạt học thuật chuyên ngành; tham gia đánh giá các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tham gia giảng dạy và hướng dẫn khoa học cho các học viên cao học, sinh viên đại học ở các cơ sở đào tạo.

3. Trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có trình độ thạc sĩ trở lên phù hợp với chuyên ngành nghiên cứu;

b) Có trình độ ngoại ngữ tương đương trình độ trung cấp bậc 4 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học ứng dụng tương đương trình độ B trở lên;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về quản lý khoa học và công nghệ đối với chức danh nghiên cứu khoa học hạng II.

4. Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững chủ trương, đường lối chính sách phát triển kinh tế - xã hội, phát triển khoa học và công nghệ của Đảng và Nhà nước, thành tựu và xu hướng phát triển khoa học và công nghệ những tiến bộ khoa học và công nghệ quan trọng trong nước và trên thế giới liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu; nắm vững nội dung quản lý, phương pháp nghiên cứu, xử lý thông tin, đánh giá kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Nắm vững và có khả năng vận dụng thành thạo các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu khoa học; có kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành phù hợp với nhiệm vụ được giao và kiến thức cơ sở về một số chuyên ngành có liên quan;

c) Có khả năng đề xuất và xác định hướng nghiên cứu về một vấn đề khoa học và công nghệ. Có tư duy độc lập, sáng tạo, khả năng tiếp thu, nghiên cứu và triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Có khả năng tập hợp các cán bộ nghiên cứu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ và giải quyết các vấn đề nảy sinh từ thực tiễn; khả năng tổng kết thực tiễn, xây dựng và trình bày các báo cáo

nghiên cứu khoa học, tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành cấp bộ, ngành; Có khả năng tổ chức các sinh hoạt học thuật trong nước và tham gia các sinh hoạt học thuật quốc tế;

d) Trong thời gian xét (thi) thăng hạng chức danh hạng III lên hạng II đạt một trong những yêu cầu sau:

- Đã chủ trì ít nhất 01 nhiệm vụ khoa hoc và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh và tương đương (hoặc chủ trì ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở) được nghiệm thu, và tham gia ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, tỉnh và tương đương trở lên được nghiệm thu;

- Tham gia nhóm tác giả của ít nhất 01 sách chuyên khảo và là tác giả của ít nhất 03 bài báo khoa học công bố trên tạp chí chuyên ngành trong nước nằm trong Danh mục tạp chí chuyên ngành được tính điểm công trình khoa học quy đổi của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước;

đ) Viên chức được xét (thi) thăng hạng lên chức danh khoa học hạng II phải có thời gian giữ chức danh khoa học hạng III hoặc tương đương tối thiểu là 9 năm trừ các trường hợp đặc biệt quy định tại văn bản khác có hiệu lực pháp lý cao hơn.

Điều 6. Chức danh nghiên cứu khoa học hạng III

1. Chức trách

Chức danh nghiên cứu khoa học hạng III là viên chức chuyên môn làm công tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, hoặc tham gia nhiệm vụ cấp bộ và tương đương trở lên.

2. Nhiệm vụ:

a) Xây dựng hoặc tham gia xây dựng kế hoạch nghiên cứu các nhiệm vụ bao gồm việc xác định mục tiêu, nội dung, phương hướng, phương pháp nghiên cứu, tiến độ thực hiện và các điều kiện về nhân lực, vật tư, tài chính...;

b) Trực tiếp nghiên cứu, tham gia điều tra, khảo sát, phục vụ nghiên cứu và hướng dẫn, kiểm tra các trợ lý nghiên cứu thực hiện các nội dung nghiên cứu, thí nghiệm được phân công; tham gia các sinh hoạt học thuật chuyên ngành;

c) Viết báo cáo sơ kết, tổng kết nhiệm vụ, biên soạn tài liệu, thông tin nhằm phổ biến và ứng dụng rộng rãi các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

3. Trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có trình độ đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành nghiên cứu;

b) Có trình độ ngoại ngữ tương đương trình độ trung cấp bậc 3 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học ứng dụng tương đương trình độ B trở lên;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về quản lý khoa học và công nghệ đối với chức danh nghiên cứu khoa học hạng III (áp dụng đối với viên chức xét/thi thăng hạng từ chức danh nghiên cứu khoa học hạng IV lên hạng III).

4. Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối chính sách phát triển kinh tế - xã hội, phát triển khoa học và công nghệ của Đảng và Nhà nước chuyên ngành; tình hình kinh tế - xã hội nói chung và các yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn đối với lĩnh vực nghiên cứu; những thành tựu và xu hướng phát triển khoa học và công nghệ, những tiến bộ khoa học và công nghệ quan trọng trong nước và trên thế giới liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu; nội dung quản lý, phương pháp triển khai nghiên cứu, xử lý thông tin, đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ;

b) Nắm vững cách thức sử dụng, vận hành, bảo quản thiết bị, vật tư dùng trong nghiên cứu và các quy định an toàn lao động, vệ sinh lao động có liên quan;

c) Có khả năng nghiên cứu và triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; tổ chức một nhóm nghiên cứu, điều hành, phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ của một nhiệm vụ khoa học và công nghệ cụ thể; có khả năng xây dựng và trình bày các báo cáo nghiên cứu khoa học được giao, tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học thuộc lĩnh vực nghiên cứu;

d) Trong thời gian xét (thi) thăng hạng từ chức danh nghiên cứu khoa học hạng IV lên hạng III đạt một trong những yêu cầu sau:

- Đã chủ trì hoặc tham gia ít nhất 1 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được nghiệm thu;

- Là tác giả hoặc tham gia nhóm tác giả của ít nhất 01 bài báo khoa học công bố trên tạp chí chuyên ngành trong nước nằm trong Danh mục tạp chí chuyên ngành được tính điểm công trình khoa học quy đổi của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước;

đ) Viên chức được xét (thi) thăng hạng lên chức danh khoa học hạng III phải có thời gian giữ chức danh khoa học hạng IV hoặc tương đương tối thiểu là 6 năm trừ trường hợp đặc biệt được quy định tại các văn bản khác có hiệu lực pháp lý cao hơn.

Điều 7. Chức danh nghiên cứu khoa học hạng IV

1. Chức trách

Chức danh nghiên cứu khoa học hạng IV là viên chức chuyên môn làm trợ lý cho hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ.

2. Nhiệm vụ:

a) Thực hiện các công việc phục vụ nghiên cứu, tham gia điều tra, khảo sát, thực hiện ở mức đơn giản hoặc trợ giúp việc xử lý, tổng hợp các thông tin, dữ liệu trong phạm vi được giao;

b) Làm nhiệm vụ trợ lý nghiên cứu cho các chức danh nghiên cứu khoa học hạng cao hơn trong việc triển khai các hoạt động nghiên cứu.

3. Trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có trình độ trung cấp trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ tương đương trình độ sơ cấp bậc 2 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học ứng dụng tương đương trình độ A trở lên.

4. Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được những nội dung cơ bản về phương hướng, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của ngành và đơn vị;

b) Nắm được một số phương pháp nghiên cứu cơ bản, công cụ nghiên cứu cơ bản, qui trình cơ bản triển khai hoạt động nghiên cứu; cách thức sử dụng, vận hành, bảo quản thiết bị, vật tư dùng trong nghiên cứu và các quy định an toàn lao động, vệ sinh lao động có liên quan;

c) Có kiến thức lý thuyết cơ sở về lĩnh vực nghiên cứu được giao.

Chương III

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH CÔNG NGHỆ

Điều 8. Chức danh công nghệ hạng I

1. Chức trách

Chức danh công nghệ hạng I là viên chức chuyên môn kỹ thuật, chịu trách nhiệm thực hiện hoặc chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia, Bộ và tương đương, những vấn đề kinh tế - kỹ thuật tổng hợp liên quan đến nhiều chuyên ngành kỹ thuật của ngành kinh tế kỹ thuật đảm nhiệm.

2. Nhiệm vụ:

a) Chủ trì hoặc tham gia chỉ đạo xây dựng và đề ra các giải pháp thực hiện chiến lược, kế hoạch nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cấp Quốc gia, Bộ, ngành, địa phương; các phương án công nghệ, luận chứng kinh tế - kỹ thuật của những công trình kinh tế - kỹ thuật trọng yếu cấp bộ, ngành;

b) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức xét duyệt các phương án công nghệ, luận chứng kinh tế - kỹ thuật của công trình thuộc chuyên ngành kỹ thuật. Chủ trì hoặc tham gia đánh giá, thẩm định và giám định các sáng kiến và kết quả các đề

tài nghiên cứu phát triển công nghệ, và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, đời sống; tham gia hoặc chủ trì thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu phát triển công nghệ thuộc các chương trình nghiên cứu phát triển khoa học và công nghệ trọng điểm của quốc gia, bộ, ngành và địa phương; Chủ trì hoặc tham gia chuẩn bị nội dung tổng kết rút kinh nghiệm về quản lý và các hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ trong bộ, ngành địa phương; đề xuất bổ sung các chủ trương, giải pháp cho phù hợp;

c) Tham gia xây dựng mục tiêu, nội dung, chương trình và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nguồn nhân lực khoa học và công nghệ trong ngành. Biên soạn, biên tập các tài liệu, giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ. Tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ cho các chức danh công nghệ hạng thấp hơn về chuyên ngành kỹ thuật đảm nhiệm;

d) Tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện các phương án, bảo đảm cho các công trình, dự án được hoàn thành đúng tiến độ, an toàn, có chất lượng và đem lại hiệu quả kinh tế xã hội thiết thực;

đ) Phát hiện, điều chỉnh hoặc đình chỉ các hoạt **động** kỹ thuật, triển khai công nghệ trái với quy trình, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định của mình.

e) Khai thác, lựa chọn ứng dụng trực tiếp các công nghệ tiên tiến nhập khẩu từ nước ngoài áp dụng nhanh các thành tựu kỹ thuật hiện đại tạo ra bước nhẩy vọt trong kỹ thuật và cơ cấu tổ chức sản xuất. Hợp tác với các đối tác trong nước và nước ngoài thực hiện các đề án lớn, các công trình trọng điểm quốc gia;

4. Trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có trình độ Thạc sỹ chuyên ngành kỹ thuật, công nghệ trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ tương đương trình độ trung cấp bậc 4 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học ứng dụng tương đương trình độ C trở lên;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý khoa học và công nghệ đối với chức danh kỹ sư hạng I.

5. Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ nói chung, phương hướng, nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ của ngành nói riêng; am hiểu tình hình sản xuất, trình độ công nghệ nói chung và tình hình sản xuất, trình độ công nghệ của ngành; nắm chắc và kịp thời các

thành tựu và xu hướng phát triển khoa học và công nghệ, những tiến bộ khoa học và công nghệ quan trọng trong và ngoài nước;

b) Có kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành kỹ thuật phù hợp nhiệm vụ đảm nhiệm và những kiến thức cơ bản của một số chuyên ngành kỹ thuật liên quan; có hiểu biết sâu rộng và kinh nghiệm về hoạt động phát triển, ứng dụng, triển khai công nghệ trong phạm vi ngành kinh tế-kỹ thuật đảm nhiệm;

c) Có khả năng tư duy độc lập, sáng tạo và phương pháp xử lý các vấn đề kinh tế - kỹ thuật phức tạp liên quan đến chuyên ngành đảm nhiệm. Có khả năng tập hợp các nhà công nghệ có năng lực, tổ chức chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ và tổng kết thực tiễn; Có khả năng kết nối các nhà nghiên cứu và nhà sản xuất kinh doanh;

d) Trong thời gian xét (thi) thăng hạng từ chức danh công nghệ hạng II lên chức danh công nghệ hạng I đã tham gia ít nhất 1 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đã được nghiệm thu và chủ trì ít nhất 2 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ đã được nghiệm thu;

đ) Viên chức được xét (thi) thăng hạng lên chức danh công nghệ hạng I phải có thời gian giữ chức danh công nghệ hạng II hoặc tương đương tối thiểu là 6 năm trừ trường hợp đặc biệt được quy định tại các văn bản khác có hiệu lực pháp lý cao hơn.

Điều 9. Chức danh công nghệ hạng II

1. Chức trách

Chức danh công nghệ hạng II là viên chức chuyên môn kỹ thuật trong các tổ chức có chức năng thực hiện các hoạt động phát triển, ứng dụng và triển khai công nghệ, chịu trách nhiệm thực hiện hoặc chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật thuộc một lĩnh vực công nghệ cụ thể hoặc những vấn đề kinh tế - kỹ thuật tổng hợp liên quan đến nhiều chuyên ngành kỹ thuật.

2. Nhiệm vụ

a) Xây dựng, tổ chức chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật được giao nhằm đảm bảo cho hoạt động thường xuyên của quá trình phát triển, ứng dụng và triển khai công nghệ; các đề tài, dự án phát triển, ứng dụng và triển khai công nghệ có ảnh hưởng đến sự phát triển công nghệ của đơn vị và của ngành.

b) Đề xuất các giải pháp công nghệ, hoàn thiện cơ cấu sản xuất, ứng dụng trực tiếp công nghệ tiên tiến trong nước và nhập khẩu nhằm tạo ra sản phẩm mới có sức cạnh tranh cao trên thị trường, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội;

c) Chủ trì các đề án thiết kế cấp cơ sở, xây dựng các đề án đổi mới công nghệ, đổi mới quy trình sản xuất, điều hành hoạt động các dây chuyền công nghệ chính của đơn vị; Chủ trì xây dựng chương trình, nội dung đào tạo, bồi

dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề cho công nhân và kỹ thuật viên của đơn vị và của ngành;

d) Thực hiện hoặc chỉ đạo thực hiện công tác quản lý công nghệ trong phạm vi được giao (chỉ đạo và giám định công tác thiết kế, xây dựng giải pháp công nghệ, quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, an toàn lao động, chất lượng sản phẩm...). Tham gia biên soạn và nghiên cứu xây dựng hoàn chỉnh hệ thống định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật của đơn vị và của ngành; Tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng, nâng cao thuộc chuyên ngành kỹ thuật đảm nhiệm. Tham gia biên soạn bài giảng, biên tập tài liệu về khoa học và công nghệ có liên quan phục vụ cho công tác này;

đ) Tổng kết, phân tích, đánh giá mức độ hoàn thiện và hiệu quả của các giải pháp công nghệ trong phạm vi được giao. Trên cơ sở đó, đề xuất biện pháp bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện cho phù hợp; Phát hiện, đề nghị điều chỉnh hoặc đình chỉ các hoạt động kỹ thuật trái với các quy trình, quy phạm kỹ thuật hiện hành và chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định của mình.

3. Trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có trình độ Đại học chuyên ngành kỹ thuật, công nghệ trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ tương đương trình độ trung cấp bậc 3 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học ứng dụng tương đương trình độ C trở lên;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý khoa học và công nghệ đối với chức danh kỹ sư công nghệ hạng II.

4. Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, phương hướng, nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ của ngành và đơn vị; những thành tựu và xu hướng phát triển khoa học và công nghệ, những tiến bộ khoa học và công nghệ quan trọng trong nước và trên thế giới liên quan đến chuyên ngành và đơn vị

b) Có kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành kỹ thuật phù hợp với nhiệm vụ được giao và kiến thức cơ sở về một chuyên ngành liên quan; Am hiểu tình hình kinh tế - xã hội nói chung và tình hình sản xuất, trình độ công nghệ của ngành và của đơn vị; Có kiến thức về kinh tế, hiểu biết sâu sắc về nghiệp vụ phát triển, ứng dụng và triển khai công nghệ chuyên ngành; nắm vững phương pháp tổ chức, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật được giao và các quy định an toàn lao động, vệ sinh lao động;

c) Có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và tập hợp để thực hiện nhiệm vụ. Có phương pháp xử lý kịp thời các phát sinh và biết tổng kết thực tiễn; Có khả năng kết nối các nhà nghiên cứu và giới sản xuất kinh doanh;

d) Trong thời gian xét (thi) thăng hạng từ chức danh công nghệ hạng III lên chức danh công nghệ hạng II đã chủ trì hoặc tham gia ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ được nghiệm thu;

đ) Viên chức được xét (thi) thăng hạng lên chức danh công nghệ hạng II phải có thời gian giữ chức danh công nghệ hạng III hoặc tương đương tối thiểu là 9 năm trừ trường hợp đặc biệt được quy định tại các văn bản khác có hiệu lực pháp lý cao hơn.

Điều 10. Chức danh công nghệ hạng III

1. Chức trách

Chức danh công nghệ hạng III là viên chức chuyên môn kỹ thuật, chịu trách nhiệm thực hiện hoặc chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật thuộc một lĩnh vực công nghệ cụ thể trong các tổ chức có chức năng thực hiện các hoạt động phát triển, ứng dụng và triển khai công nghệ.

2. Nhiệm vụ

a) Xây dựng, tổ chức chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật được giao nhằm bảo đảm các hoạt động thường xuyên của quá trình phát triển, ứng dụng và triển khai công nghệ;

b) Chủ trì các đề án thiết kế cấp cơ sở, xây dựng các đề án đổi mới công nghệ, thuộc lĩnh vực công nghệ chuyên môn của mình;

c) Thực hiện hoặc chỉ đạo thực hiện công tác quản lý công nghệ trong phạm vi được giao, tham gia biên soạn và nghiên cứu xây dựng hoàn chỉnh hệ thống định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật của lĩnh vực công nghệ.

3. Trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có trình độ Đại học chuyên ngành kỹ thuật, công nghệ trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ tương đương trình độ sơ cấp bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học ứng dụng tương đương trình độ B trở lên;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý khoa học và công nghệ đối với chức danh công nghệ hạng III (áp dụng đối với các viên chức xét/thi thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp hạng IV lên chức danh công nghệ hạng III).

4. Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, phương hướng, nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ của ngành và đơn vị; tình hình kinh tế - xã hội nói chung và những thành tựu và xu hướng phát triển khoa học và công nghệ, những tiến bộ khoa học và công nghệ quan trọng trong nước và toàn thế giới liên quan đến ngành và đơn vị;

c) Nắm chắc nội dung, nghiệp vụ quản lý và phương pháp tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại đơn vị. Nắm chắc các đối tượng tác động của khoa học và công nghệ trong phạm vi hoạt động, các quy định an toàn lao động, vệ sinh lao động;

d) Trong thời gian xét (thi) thăng hạng từ chức danh công nghệ hạng III lên hạng II đã chủ trì hoặc tham gia ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở;

đ) Viên chức được xét (thi) thăng hạng lên chức danh công nghệ hạng III phải có thời gian giữ chức danh công nghệ hạng IV hoặc tương đương tối thiểu là 6 năm trừ trường hợp đặc biệt được quy định tại các văn bản khác có hiệu lực pháp lý cao hơn.

Điều 11. Chức danh công nghệ hạng IV

1 . Chức trách

Chức danh công nghệ hạng IV là viên chức chuyên môn kỹ thuật, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật thông thường, thường xuyên trong các tổ chức có chức năng thực hiện các hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ, ứng dụng, triển khai công nghệ.

2. Nhiệm vụ

a) Thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật, công nghệ thường xuyên, lặp đi lặp lại theo một quy trình cụ thể;

b) Thực hiện nhiệm vụ quản lý quy trình công nghệ trong phạm vi được giao theo sự hướng dẫn của chức danh công nghệ hạng cao hơn;

c) Chịu trách nhiệm trực tiếp về các sự cố kỹ thuật do không chấp hành đúng quy trình công nghệ đã ban hành.

3. Trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có trình độ trung cấp chuyên ngành kỹ thuật trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ tương đương trình độ sơ cấp bậc 1 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học ứng dụng tương đương trình độ B trở lên;

4. Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được những nội dung cơ bản về phương hướng, nhiệm vụ phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ của ngành và đơn vị;

b) Có kiến thức lý thuyết cơ sở về một chuyên ngành kỹ thuật, có khả năng thực hành thông thạo các nhiệm vụ kỹ thuật thông thường được đảm nhiệm;

c) Nắm được các quy trình, quy phạm kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức, kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động.

CHƯƠNG IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Những quy định trước đây trái với Thông tư này bị bãi bỏ.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các PTTgCP;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng TTĐTCP;
- Bộ KHCN: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, Vụ TCCB.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Quân